



CASF

KEO & DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KEO VÀ DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG Ô TÔ CHU LAI

CHU LAI AUTOMOBILE SPECIALIZED SEALANT AND FLUID LIMITED LIABILITY COMPANY



KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
Chu Lai - Truong Hai Automotive Mechanical Industrial Park, Nui Thanh Dist., Quang Nam Province, Vietnam.



(+84) 2353 567 161 - Fax: (+84) 2352 226 555 ✉ casf@thaco.com.vn





GIỚI THIỆU / INTRODUCTION

NỘI DUNG / CONTENT

NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE DU LỊCH)	Pre-mixed engine coolant (Passenger car)
NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE TẢI & BUS)	Pre-mixed engine coolant (Truck & Bus)
NƯỚC RỬA KÍNH Ô TÔ	Windshield washer fluid
DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DIESEL (XE Ô TÔ)	Diesel exhaust fluid (Automotive)
DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DIESEL (TÀU BIỂN)	Diesel exhaust fluid (Ship)
KEO SILICONE SS601	SS601 Silicone sealant
KEO POLYURETHANE PU901	PU901 Polyurethane sealant
KEO LÀM KÍN THÂN XE	Body sealer
CHẤT PHỦ GẦM CHỐNG ỒN	Underbody coating
CAO SU BUTYL	Butyl tape
MÀNG CHẮN SƠN	Pre-taped masking film
BĂNG KEO GIẤY	Masking tape
BĂNG KEO ACRYLIC	Acrylic tape
BĂNG KEO XỐP 2 MẶT	Double-sided foam tape
BĂNG KEO TRONG	OPP tape

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KEO & DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG Ô TÔ CHU LAI

CHU LAI AUTOMOBILE SPECIALIZED SEALANT AND FLUID LIMITED LIABILITY COMPANY

Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất tiên tiến và hiện đại gồm: Dây chuyền sản xuất keo chuyên dụng, dây chuyền phân cuộn, đóng gói băng keo và dây chuyền sản xuất dung dịch chuyên dụng, dây chuyền chiết rót,... Mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường.

The company is equipped with advanced production and modern lines including: production line of specialized sealants, tape rewinding and packing line, specialized fluid production line, filling line... Providing customers with safe and quality products, environment - friendly.

Thành lập	: Tháng 8 năm 2020
Diện tích	: 5.500 m ²
Vốn đầu tư	: 2 triệu USD
Công suất	: 900 tấn keo chuyên dụng/năm 1 triệu cuộn băng keo/năm 6.000 m ³ dung dịch chuyên dụng/năm.
Chứng nhận	: ISO 9001:2015; IATF 16949:2016; ISO 14001:2015
Establishment	: August, 2020
Area	: 5,500 m ²
Capital	: USD 2 million
Capacity/ year	: 900 tons PVC sealant/year 1 million tape rolls/year 6,000 m ³ specialized fluid
Certification	: ISO 9001:2015; IATF 16949:2016; ISO 14001:2015



NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE DU LỊCH)

PRE-MIXED ENGINE COOLANT (PASSENGER CAR)

Nước làm mát động cơ pha sẵn với thành phần ethylene glycol và chất ức chế ăn mòn (không chứa amines và borax) không tạo cặn và mang lại hiệu quả lâu bền đối với mọi hệ thống làm mát.

Pre-mixed engine coolant with composition of ethylene glycol and corrosion inhibitor (not contains amines and borax) does not form residue and offers the long lasting effect on a variety of cooling systems.

CÁC LOẠI/ TYPES: LLC2001, LLC2002



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1.000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

Làm mát động cơ, bảo vệ hệ thống làm mát, chống lại sự ăn mòn kim loại.

LLC2001 & LLC2002 được sử dụng rộng rãi cho các dòng xe Hyundai, Kia và xe du lịch nói chung.

Cools the engine, protects the cooling system, prevents metal corrosion.

LLC2001 & LLC2002 is widely used on Hyundai, Kia vehicles and passenger car in general.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		LLC2001	LLC2002
Ngoại quan Appearance		Chất lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.	Chất lỏng, màu đỏ, không cặn, không phân lớp. Liquid, red, no sediment, no layering.
Điểm đông đặc Freezing point		Max. -31	Max. -16
Điểm sôi Boiling point [°C]		~ 108	~ 105
pH		7,5 - 9,5	
Tính chất ăn mòn kim loại trong cốc thủy tinh (khối lượng kim loại thay đổi mg/mẫu) Metal corrosion in glass cup (weight changing of metal mg/specimen)	Đồng thau Brass	Max. 10	
	Đồng đỏ Copper	Max. 10	
	Chất hàn Solder	Max. 15	
	Thép Steel	Max. 10	
	Gang Cast Iron	Max. 10	
	Nhôm Aluminium	Max. 15	



NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE TẢI & BUS)

PRE-MIXED ENGINE COOLANT (TRUCK & BUS)

Nước làm mát động cơ pha sẵn với thành phần ethylene glycol và chất ức chế ăn mòn (không chứa amines và borax) không tạo cặn và mang lại hiệu quả lâu bền đối với mọi hệ thống làm mát.

Pre-mixed engine coolant with composition of ethylene glycol and corrosion inhibitor (not contains amines and borax) does not form residue and offers the long lasting effect on a variety of cooling systems.

CÁC LOẠI/ TYPES: CF2004, CF2005 & CF2006



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1.000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters, 0,5 lít/ liter.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

Làm mát động cơ, bảo vệ hệ thống làm mát, chống lại sự ăn mòn kim loại. Phù hợp theo theo tiêu chuẩn của các dòng xe Tải và Bus.

Cools the engine, protects the cooling system, prevents metal corrosion. Following kinds of Truck and Bus standards.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		CF2004	CF2005	CF2006
Ngoại quan Appearance		Lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.	Lỏng, màu đỏ, không cặn, không phân lớp. Liquid, red, no sediment, no layering.	Lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.
Điểm đông đặc Freezing point, [°C]		Max. - 12	< 0	
pH		7,5 - 9,5		
Tính chất ăn mòn kim loại trong cốc thủy tinh (khối lượng kim loại thay đổi mg/mẫu). Metal corrosion in glass cup (weight changing of metal mg/specimen).	Đồng thau Brass	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Đồng đỏ Copper	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Chất hàn Solder	Max. 15	Max. 15	Max. 15
	Thép Steel	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Gang Cast Iron	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Nhôm Aluminium	Max. 15	Max. 15	Max. 15



NƯỚC RỬA KÍNH Ô TÔ

WINDSHIELD WASHER FLUID

Nước rửa kính ô tô **WF2302** được sản xuất và kiểm tra theo tiêu chuẩn JIS K 2398 của Nhật Bản, tiêu chuẩn MS 568-02 của Hyundai & Kia Motors và phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam.

Nước rửa kính ô tô WF2302:

- Thời gian bay hơi nhanh, khả năng tẩy rửa tốt, đảm bảo tầm nhìn cho người lái xe.
- Không ảnh hưởng đến sức khỏe và thân thiện môi trường.

Windshield washer fluid WF2302 is manufactured and controlled according to JIS K 2398 standard of Japan and MS 568-02 standard of Hyundai & Kia Motors, suitable for the climatic condition in Vietnam.

Windshield washer fluid WF2302:

- Volatile quickly, power cleaning, ensure excellent visibility for the driver.
- Not affect the health, environmentally friendly.



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1.000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters, 1 lít/ liter.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

Làm sạch các vết bẩn một cách nhanh chóng, giúp cho bề mặt kính chắn gió luôn trong và sạch, đảm bảo tầm nhìn cho người lái xe.

Clean stains, keeping the windshield surface clear and clean, ensuring visibility for the driver.

WF2302 được sản xuất phù hợp cho tất cả các dòng xe hiện nay.

WF2302 to be produced so that suitable for all kind of current vehicle.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		
Ngoại quan Appearance	Trạng thái State	Chất lỏng, trong suốt, không cặn, không phân lớp. Liquid, transperent, no sediment, no layering
	Màu sắc Color	Màu xanh dương Blue color
Nhiệt độ điểm đông Freezing point		Max.-10
pH		7,5 - 9,5
Tỷ trọng Density (g/cm ³)		0,99
Điểm chớp cháy Flash point, °C		> 83
Tính tẩy rửa Cleaning properties		Sạch, không để lại dấu trên kính Clear, leaves no marks on the windshield



DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DIESEL (XE Ô TÔ)

DIESEL EXHAUST FLUID (AUTOMOTIVE)

Dung dịch xử lý khí thải động cơ DEF2002

- Là dung dịch không màu, trong suốt với thành phần chính là urê có độ tinh khiết cao được sử dụng trong tất cả các hệ thống SCR (Selective Catalytic Reduction).
- Được phun vào dòng khí thải nóng sau bộ lọc bụi, nhằm chuyển hóa các oxit nitơ (NOx) có hại thành khí nitơ và hơi nước (vô hại) trước khi thải ra ngoài môi trường. Không độc hại, không cháy nổ.

DEF2002 diesel exhaust fluid

- Is a clear and colorless solution with a main ingredient of high purity urea used in SCR system (Selective Catalytic Reduction).
- Sprayed into the hot exhaust flow to convert harmful nitrogen oxides (NOx) into nitrogen gas and steam (harmless) before being discharged into the environment. Non-toxic, non-explosive.



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1.000 lít/ liters, 220 lít/ liters, 20 lít/ liters.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

- Sử dụng trên các dòng xe tải, bus, tàu, xe hạng nặng,...chạy bằng động cơ diesel và được trang bị hệ thống xử lý khí thải SCR.
- Đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO 22241, tương thích với các loại động cơ diesel đạt chuẩn khí thải EURO 4,5,6.
- Used on trucks, buses, ships, heavy vehicles, etc. powered by diesel engines and equipped with SCR exhaust treatment system.
- Meet ISO 22241 standards, compatible with diesel engines meeting EURO 4,5,6 emission standards.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS

Ngoại quan Appearance	Chất lỏng không màu, không cặn bẩn. Colorless liquid, no sediment.
Hàm lượng Ure Ure content, %wt	31,8 – 33,2
Khối lượng riêng Density, kg/m ³	1.087 – 1.093
Chỉ số khúc xạ Refractive index	1,3814 – 1,3843
Điểm kết tinh Crystallization point, °C	- 11,5
Độ kiềm tổng Alkalinity (NH ₃), %wt	Max. 0,2
Hàm lượng Biuret Biuret content, %wt	Max. 0,3



DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DIESEL (TÀU BIỂN)

DIESEL EXHAUST FLUID (SHIP)

Dung dịch xử lý khí thải động cơ diesel (tàu biển) là một dung dịch không màu, trong suốt với thành phần chính là urê có độ tinh khiết cao được sử dụng trong tất cả các hệ thống SCR (Selective Catalytic Reduction).

Dung dịch xử lý khí thải động cơ diesel (tàu biển) được phun vào dòng khí thải nóng sau bộ lọc bụi, nhằm chuyển hóa các oxit nitơ (NOx) có hại thành khí nitơ và hơi nước (vô hại) trước khi thải ra ngoài môi trường. Không độc hại, không cháy nổ.

Diesel exhaust fluid (ship) is sprayed into the hot exhaust flow to convert harmful nitrogen oxides (NOx) into nitrogen gas and steam (harmless) before being discharged into the environment. Non-toxic, non-explosive.

Diesel exhaust fluid (ship) is a clear and colorless solution with a main ingredient of high purity urea used in SCR system (Selective Catalytic Reduction).



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 40 tấn/ tank, 30 tấn/ tank, 20 tấn/ tank, 1.000 lít/ tank

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

- Sử dụng trên các loại tàu biển,...chạy bằng động cơ diesel và được trang bị hệ thống xử lý khí thải SCR.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 18611-1 và tương thích với các loại động cơ tàu biển đạt chuẩn khí thải của Tổ chức hàng hải Quốc Tế IMO TIER 3.
- Used on ships, etc. powered by diesel engines and equipped with SCR exhaust treatment system.
- Meets ISO 18611-1 standards and is compatible with marine engines that meet the emission standards of the International Maritime Organization IMO TIER 3.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Hàm lượng Ure Ure content, %wt	39 - 41
Khối lượng riêng Density, kg/m ³	1.105 - 1.177
Chỉ số khúc xạ Refractive index	1,3947 - 1,3982
Độ kiềm tổng Alkalinity (NH3), %wt	Max. 0,5
Hàm lượng Biuret Biuret content, %wt	Max. 0,8
Hàm lượng Aldehyde Aldehyde content, mg/kg	Max. 100



KEO SILICONE SS601

SS601 SILICONE SEALANT

SS601 là loại keo silicone trung tính, là chất trám khe tự khô có độ đàn hồi cao, có thể chịu được những điều kiện nhiệt độ khắc nghiệt, ozon, tia cực tím và khả năng chống lão hóa thời tiết cực tốt.

SS601 is a neutral silicone sealant, a self-drying sealant with high elasticity, can withstand extreme temperature conditions, ozone, ultraviolet rays and excellent weathering resistance.

QUY CÁCH/ PACKAGE:
300ml/tuýp, 24 tuýp/thùng/ 300ml/tube, 24 tubes/carton



ỨNG DỤNG/ APPLICATION:
Làm kín và bám dính tốt sau khi khô hoàn toàn trên các bề mặt body/thùng xe như: thép không gỉ (inox), thép mạ kẽm, tôn, thép nhúng ED (hoặc được sơn lót epoxy); kính; các loại nhựa.
Tạo độ phủ tốt, thẩm mỹ cho lớp sơn khi sơn lên bề mặt keo, sử dụng để làm kín trên sàn và body của thùng xe ben, mui xe tải, xe bus, sơn rơmoóc, xe chuyên dụng,...

Good sealing and adhesion after completely curing on body surface/truck body such as: stainless steel, galvanized steel, tole, ED coated steel (or epoxy coated steel), glass, plastics,...
Paintable, excellent coverage on surface of sealant, good sealing on floor and side wall of truck body, truck roof, bus, trailer, specialized vehicles,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	SS601
Ngoại quan Appearance	Mịn, dạng nhão, đặc sệt, không rỗ khí, không tạo gel. Smooth, paste, no bubble, no skinning, no gel.
Độ sụt lún (chảy) Droop	0 mm
Màu sắc Colors	Đen, xám, cà phê, trắng sữa, trắng trong,... Black, gray, coffee, milk white, clear white,...
Thời gian lưu hóa bề mặt Tack free time	10 - 30 phút/ mins
Trọng lượng riêng Density	1,5±0,1 g/cm³
Độ cứng Hardness (shore A)	25 - 40
Độ bền kéo Tensile strength	≥1,5 Mpa
Khả năng giãn dài Elongation at break	800 - 950%
Khả năng linh hoạt ở nhiệt độ thấp Low temperature flexibility	Không nứt gãy, không hư hại No broken, no damage
Nhiệt độ bề mặt thi công Application temperature	+ 5°C đến + 40°C
Khả năng chịu nhiệt (sau lưu hóa) Working temperature	- 20°C đến 180°C



KEO POLYURETHANE PU901

POLYURETHANE SEALANT PU901

Keo PU901 là loại keo gốc Polyurethane một thành phần, dễ dàng sử dụng. Keo PU901 tự lưu hóa ở nhiệt độ thường trong không khí để tạo thành loại vật liệu trám trét bền vững và liên kết lâu dài.

PU901 is a one-component polyurethane based sealant, easy to use. PU901 cures at room temperature by the reaction with atmosphere moisture to become a permanently flexible and durable sealing material.

QUY CÁCH/ PACKAGE:
300 ml/tuýp, 24 tuýp/thùng, 400 ml/tuýp dạng xúc xích

300 ml/tube, 24 tubes/carton, 400 ml/tube sausage



ỨNG DỤNG/ APPLICATION:
Làm kín và bám dính tốt sau khi khô hoàn toàn trên các bề mặt body/thùng xe như: thép không gỉ (inox), thép mạ kẽm, tôn, thép nhúng ED (hoặc được sơn lót epoxy); kính; các loại nhựa.
Tạo độ phủ tốt, thẩm mỹ cho lớp sơn khi sơn lên bề mặt keo, sử dụng để làm kín trên sàn và body của thùng xe ben, mui xe tải, xe bus, sơn rơmoóc, xe chuyên dụng,...

Good sealing and adhesion after completely curing on body surface/truck body such as: stainless steel, galvanized steel, tole, ED coated steel (or epoxy coated steel), glass, plastics, ...
Paintable, excellent coverage on surface of sealant, good sealing on floor and side wall of truck body, truck roof, bus, trailer, specialized vehicles, ...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT/ TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Màu sắc Colors	Trắng, đen, xám White, black, grey
Tỷ trọng Density (g/cm ³)	1,5 ± 0,1
Tính chảy keo Sagging properties, mm	0
Thời gian khô bề mặt (phút) Tack free time (min)	~ 20
Tốc độ lưu hóa Curing speed (mm/24h)	4 - 5
Hàm lượng không bay hơi Non-volatile content, %	≥ 99
Độ cứng Hardness (Shore A)	~ 40
Độ bền kéo đứt Tensile strength (MPa)	~ 3,0
Độ bền kéo trượt Tensile shear strength (MPa)	~ 2,0
Độ giãn dài Elongation at break (%)	~ 400
Nhiệt độ thi công Temperature application (°C)	+ 5°C đến + 35°C
Nhiệt độ thi công Temperature application (°C)	- 40°C đến + 90°C



KEO LÀM KÍN THÂN XE

BODY SEALER

Keo làm kín thân xe là loại keo gốc PVC, có độ kết dính tuyệt vời trên bề mặt sơn tĩnh điện và có độ nhớt ổn định khi bảo quản.

Keo làm kín thân xe được thiết kế đặc biệt sử dụng cho việc làm kín các cánh cửa, thân và trần xe. Sản phẩm này bảo vệ thân xe chống rò rỉ nước, bụi bẩn, sự xâm nhập của không khí và sự ăn mòn.

Body sealer is a PVC based sealant that has excellent adhesion to electrodeposition coating surface and has a stable viscosity in storage.

Body sealer is specially designed for the sealing of door, body and ceiling. This product protects the vehicle body against the penetration of water, dirt, air and corrosion.



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE:
Dạng phuy/ Drum: 275 kg.

Các quy cách đóng gói khác cũng được xem xét nếu có yêu cầu
Other packaging size is also considered if required.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:
Keo làm kín thân xe được sử dụng tại xưởng sơn sau công đoạn sơn lót, thông qua hệ thống bơm hoặc ép đẩy chân không. Điều kiện nhiệt độ sử dụng (15-35)°C.

Body sealer is applied in the paint shop after applying a ED coating through an airless injection or spraying system. The applied temperature is between (15-35)°C.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Hỗn hợp nhão, đồng nhất, màu trắng Paste, homogeneous, white
Độ nhớt/ Viscosity [Pa.s] Brookfield spindle No. 7, 20 rpm at 20°C	Theo thỏa thuận As agreed
Điều kiện sấy Baking condition	(140 - 160)°C × (20 - 30) min
Khối lượng riêng Specific weight [g/cm³]	1,45 - 1,70
Độ bám dính Adhesion [25' 140°C]	Tốt (không bị bong tróc) No peel off
Độ cứng Hardness [HA]	50 - 70
Hàm lượng rắn On-volatile content [%]	> 95



CHẤT PHỦ GẦM CHỐNG ỒN

UNDERBODY COATING

Chất phủ gầm chống ồn là loại keo gốc PVC, có độ kết dính tuyệt vời trên bề mặt sơn tĩnh điện và có độ nhớt ổn định khi bảo quản.

Chất phủ gầm chống ồn được thiết kế để bảo vệ chống đá văng dưới gầm xe, sự xâm nhập của không khí, bụi, nước và sự ăn mòn. Ngoài ra, sản phẩm này còn có tác dụng chống rung, chống ồn cho xe. Ứng dụng dưới gầm xe và các hốc bánh xe để chống lại sự mài mòn do va đập của các mảnh đá nhỏ.

Underbody coating is a PVC based sealant that has excellent adhesion to electrodeposition coating surface and has a stable viscosity in storage.

Underbody coating is specially designed to protect the body against stone chippings, water, dust, air penetration and corrosion. Application under body and wheel houses parts for vibration resistance, abrasion resistance and noise resistance.



ĐÓNG GÓI/ PACKAGE:

Dạng phuy/ Drum: 275 kg.
Các quy cách đóng gói khác cũng được xem xét nếu có yêu cầu.
Other packaging size is also considered if required.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

Chất phủ gầm chống ồn được sử dụng tại xưởng sơn sau công đoạn sơn lót, thông qua hệ thống bơm hoặc ép đẩy chân không. Điều kiện nhiệt độ sử dụng (15-35)°C.

Underbody coating is applied in the paint shop after applying a ED coating through an airless injection or spraying system. The applied temperature is between (15-35)°C.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Hỗn hợp nhão, đồng nhất, màu xám đen Paste, homogeneous, black
Độ nhớt Viscosity [Pa.s], Brookfield spindle No. 7, 20 rpm at 20°C	Theo thỏa thuận As agreed
Độ bám dính Adhesion [25' 140°C]	Tốt (không bị bong tróc) No peel off
Điều kiện sấy Baking condition	(140 - 160)°C × (20 - 30) min
Hàm lượng rắn On-volatile content [%]	> 92



CAO SU BUTYL

BUTYL TAPE

Cao su butyl là loại băng dán gốc cao su butyl có độ nhạy cảm với áp lực và mềm dẻo nên dễ nén trong quá trình lắp đặt. Có độ giãn dài tốt, khả năng chịu thời tiết và chống lão hóa tốt, luôn linh hoạt, không bị cứng lại và không bị đổi màu.

Butyl tape is sensitive to pressure and softness, so it is easy to compress during installation. Has good elongation, good time and aging resistance, always works, does not harden and does not change color.



QUY CÁCH/ PACKAGE:
3,5 mm x 7 mm x 20 m; 6 mm x 12 m; 10 mm x 8 m hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
3.5 mm x 7 mm x 20 m; 6 mm x 12 m; 10 mm x 8 m or the requirements of customers.

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:
Cao su butyl được ứng dụng để gắn kết các chi tiết và chống thấm nước (áo mưa cửa ô tô hoặc các chi tiết tương tự trong xây dựng và công nghiệp).
Butyl tape is used to attach details and waterproof them (seat the gap on door or similar details in construction and industry).

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Màu đen, đồng nhất, mịn. Black, homogeneous, smooth.
Tỷ trọng Density (g/cm³)	1,20 - 1,30
Độ sâu kim Needle penetration @28°C	65 - 75
Độ bám dính Adhension [kgf/6mm]	0,45 - 1,00
Độ bền kéo Tensile strength [kgf/cm²]	0,30 - 1,00
Độ bền cắt Shear strength [kgf/1,5cm²]	0,50 - 1,00
Độ giãn dài Elongation [%]	>1.200



MÀNG CHẮN SƠN

PRE-TAPED MASKING FILM

Màng chắn sơn là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực sơn ô tô; một đầu có băng keo giấy giúp định hình bề mặt sơn, không để lại vết keo sau khi tháo gỡ.

Pre-taped masking film is the product used in the automotive painting; one end has a masking tape to help shape the paint surface, leaving no adhesive after removing.



QUY CÁCH (DÀI X RỘNG)/ PACKAGE (FULL LENGTH X WIDTH):
20m x 450mm; 20m x 900mm;

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

- Che chắn hiệu quả những phần không cần sơn.
- Che chắn hạng mục dân dụng, công trình tránh tiếp xúc bụi, nước, hóa chất...
- Giảm thiểu thời gian vệ sinh các khu vực khi được che chắn.
- Covering surfaces that do not need to be painted.
- Covering surfaces items and tools to avoid contact with dust, water, chemicals, etc.
- Minimize the time clean areas covering surfaces.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		
Hạng mục Items	BĂNG KEO GIẤY MASKING TAPE	MÀNG NI LÔNG NILON FILM
Đặc tính Feature	Lớp giấy tự nhiên và được phủ lớp cao su hòa tan, bám dính tốt. The natural paper covered by soluble rubber, well adhesion.	Màng ni lông nguyên sinh, tĩnh điện Plastic film primitive, electrostatic
Màu sắc Color	Màu vàng nhạt Tight yellow	Trong suốt Transparent
Khả năng chịu nhiệt Temperature resistance	105°C/60 phút 105°C/60 minutes	100°C

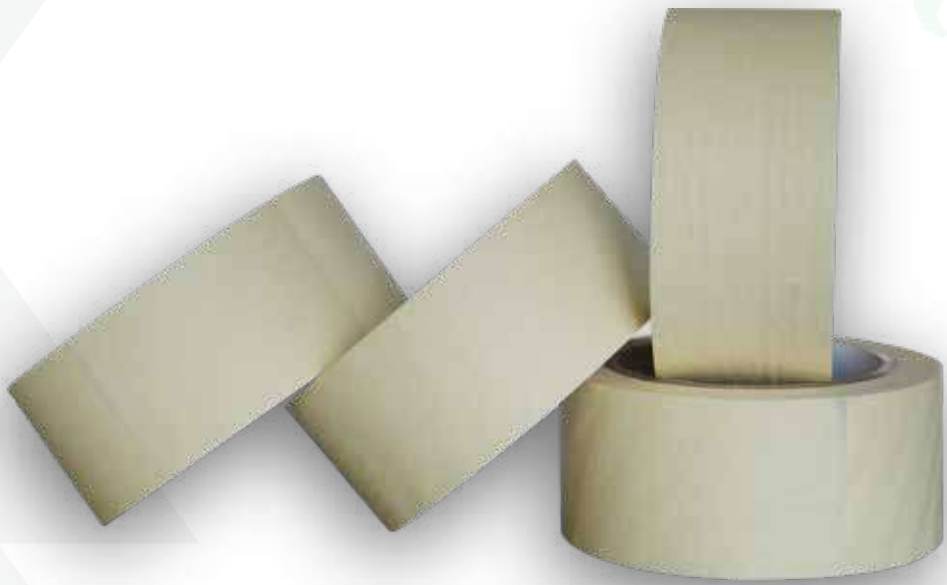


BĂNG KEO GIẤY

MASKING TAPE

Băng keo giấy là loại băng keo 1 mặt, được kết hợp giữa một màng giấy crepe mỏng, dai, chắc, dễ xé cùng với một lớp keo chuyên dụng đặc biệt có độ bám dính vừa phải, không để lại vết keo khi bóc ra và không làm bong tróc lớp sơn; che phủ lớp sơn hiện hữu, giúp cho quá trình phun sơn cục bộ lớp sơn mới không bị lem, tăng độ thẩm mỹ.

Masking tape is a type of single-sided tape, combining a thin and easy-to-tear crepe paper with a layer of special specialized adhesive with moderate adhesion, leaving no residue when peeled off and does not peel off the paint; Cover and help to prevent new paint layer from smudging, increasing aesthetics.



QUY CÁCH (DÀI X RỘNG)/ PACKAGE (FULL LENGTH X WIDTH):
20mm x 30 m (Cuộn/roll); 30mm x 30 m (Cuộn/roll); 48mm x 30 m (Cuộn/roll); 96mm x 30 m (Cuộn/roll)
Quy cách khác theo yêu cầu khách hàng/ Other packaging size is also considered if required.

- ỨNG DỤNG/ APPLICATION:**
- Sử dụng phổ biến trong ngành ô tô do loại giấy dai, không rách và khi sử dụng không để lại keo trên bề mặt sản phẩm.
 - Che chắn, cố định nylon hoặc giấy che chắn trong quá trình sơn.
 - Tạo đường chỉ, đường cong để tạo độ sắc nét trong quá trình sơn.
 - Tạo ra đường viền sắc nét khi sơn.
 - Tạo những đường cong mà không bị rách ở những điểm uốn.
 - Tạo ra các đường thẳng trong quá trình sơn sửa sản phẩm; trong ngành xây dựng, sơn tường....
 - Widely used in the automotive industry, tape is tough, does not tear, and when used does not leave adhesive on the surface of the product.
 - Cover, fix nylon film or shielding paper during the painting process.
 - Create lines and curves to create sharpness during the painting process.
 - Creates sharp edges when painting.
 - Create curves without tearing at the bends.
 - Create straight lines during product painting; in the construction industry, wall painting....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Tổng độ dày Thickness, μm	145 ± 10
Độ bám dính ban đầu Initial tack, Ball No	≥ 8
Độ bền bóc tách Peeling strength, N/25mm	≥ 7
Khả năng bám dính Holding power, hrs	≥ 4,5
Độ bền kéo Tensile strength, N/cm	≥ 26
Độ giãn dài Elongation, %	≤ 20
Độ bền nhiệt Temperature resistance, °C	≤ 60



BĂNG KEO ACRYLIC

ACRYLIC TAPE

Băng keo Acrylic là loại băng keo 2 mặt được phủ lớp keo acrylic với khả năng bám dính tốt trên nhiều loại bề mặt, thích hợp với việc dán, làm kín vật liệu.

Băng keo Acrylic được ứng dụng cho trang trí nội thất và ứng dụng khác bao gồm: nhà xưởng, ga-ra, văn phòng, nhà ở và sân vườn...

Acrylic tape is a double-sided tape coated with acrylic adhesive with good adhesion on many types of surfaces, suitable for adhering and sealing materials.

Acrylic tape is used for interior decoration and other applications including: factories, garages, offices, houses and gardens...



QUY CÁCH/ DIMENSION:
6 mm x 33 m; 12 mm x 33 m; 20 mm x 33 m
Quy cách khác theo yêu cầu khách hàng/ Other packaging size is also considered if required.

- ỨNG DỤNG/ APPLICATION:**
- Dán liên kết hai loại bề mặt vật liệu khác nhau (ví dụ: kim loại với nhựa), cách âm, giữ khoảng cách giữa các thiết bị đèn điện, cố định cửa kính, cửa sổ...
 - Gắn logo xe, thanh trang trí hông xe, tấm che nắng ô tô và lướt gió.
 - Liên kết các tấm trên cửa thép, vách cửa kính và các khung cửa thép khác.
 - Bonding two different types of material surfaces (for example: metal with plastic), soundproofing, keeping distance between electric light devices, fixing glass, doors, windows,...
 - Fix vehicle logo, side decorative bar, sunvisor and spoiler.
 - Adhering panels on door frame, window frame and other steel door frames.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Foam: Màu xám/ Grey Lớp giấy chống dính/ Non-stick paper: Màu đỏ/ Red
Độ dày Thickness (mm)	1,2 ± 0,1
Độ bền kéo Tensile strength N/cm²	~ 85,5
Độ bền kéo trượt Tensile shear strength N/cm²	~ 110
Độ giãn dài Elongation, %	~ 1.144
Khả năng bám dính Holding power, hour	> 166
Độ bền bóc tách Peel strength (SUS) N/m	~ 3.420



BĂNG KEO XỐP HAI MẶT

DOUBLE-SIDED FOAM TAPE

Băng keo xốp hai mặt được cấu thành bởi lớp nền bằng xốp PE, lớp keo acrylic và lớp giấy phủ bên ngoài. Keo acrylic phủ đều trên lớp xốp PE giữ cho băng keo bám dính trên bề mặt trong thời gian dài.

Double-sided foam tape is made of a PE foam backing, an acrylic adhesive layer and a non-stick paper layer. Acrylic adhesive evenly coated on the PE foam layer keeps the tape adhered to the surface for a long time.

QUY CÁCH/ DIMENSION: 5 mm x 9 m; 20 mm x 9 m; 24 mm x 9 m

Quy cách khác theo yêu cầu khách hàng/ Other packaging size is also considered if required.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TECHNICAL SPECIFICATIONS

Ngoại quan Appearance	Màu đen Black
Độ dày Thickness (mm)	1,0 ± 0,1
Độ bám dính Adhesion (kg/25mm)	1,6 - 2,8
Khả năng bám dính Holding power (hr/kg*25mm)	> 24
Phạm vi nhiệt độ Temperature resistance (°C)	0 ÷ 95

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

Băng keo xốp hai mặt thích hợp với việc dán, chống va chạm và được dùng cho đồ trang trí ô tô. Ngoài ra còn có thể dùng cho ứng dụng khác (nhà ở, văn phòng,...).

Double-sided foam tape is suitable for adhering, anti-collision and is used for car decorations. It can also be used for other applications (homes, offices,...).

BĂNG KEO TRONG

OPP TAPE

Băng keo trong là loại băng dính một mặt, được làm từ lớp vật liệu nền bằng màng BOPP cùng với lớp keo chuyên dụng tạo thành vật liệu có độ bám dính tốt, độ bền liên kết cao, tăng cao tính thẩm mỹ.

Opp tape is a type of single-sided adhesive tape, made of a base layer of BOPP film (made of PP plastic granules) along with a specialized adhesive layer to create a material with good adhesion, high bond strength, enhance aesthetics.

QUY CÁCH/ DIMENSION: 48 mm x 80 yard

Quy cách khác theo yêu cầu khách hàng/ Other packaging size is also considered if required.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TECHNICAL SPECIFICATIONS

Màu sắc Color	Trong Clear	
Tổng độ dày Total thickness, μm	~ 50	
Độ dày lớp keo Adhesive thickness, μm	~ 22	
Độ dày lớp màng Backing thickness, μm	~ 28	
Độ bền kéo Tensile strength, MPa	Theo chiều dọc/ MD	≥ 140
	Theo chiều ngang/ CD	≤ 250
Độ giãn dài Elongation, %	Theo chiều dọc/ MD	≥ 180
	Theo chiều ngang/ CD	≤ 65
Độ bám dính Adhesion, g/25mm (25°C)		> 500

ỨNG DỤNG/ APPLICATION:

- Sử dụng phổ biến trong ngành bìa giấy, carton (đóng gói hàng hóa).
- Ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, điện tử...
- Commonly used in the paperboard and carton industry (goods packaging).
- Widely used in industries, electronics...